

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số I, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ D, Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị K, anh P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị Hồng K bày: Chị và anh Đỗ Tuấn P tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2005. Quá trình chung sống với nhau 01 năm trở lại đây vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn rất nghiêm trọng, cuộc sống

chung vợ chồng không hạnh phúc, hai bên có những mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được. Mặc dù đã cố gắng hòa hợp nhưng mâu thuẫn, bất hòa vẫn xảy ra. Hiện nay anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Chị nhận thấy nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì hôn nhân không hạnh phúc, gây đau khổ cho cả hai nên đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Đỗ Tuấn P.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2005 và cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 03/7/2014.

Chị K đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh N và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đỗ Minh Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Chị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2024 bị đơn anh Đỗ Tuấn P trình bày:

Anh và chị Lương Thị Hồng K chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai và năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm trở lại đây vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị K có yêu cầu ly hôn anh P đồng ý ly hôn với chị Lương Thị Hồng K.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2005 và cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 03/7/2014.

Sau ly hôn anh đồng ý để chị K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh N và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đỗ Minh Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Anh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Hồng K.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh N cho chị Lương Thị Hồng K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đỗ Tuấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đỗ Minh Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lương Thị Hồng K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Tuấn P. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Anh Đỗ Tuấn P là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Hồng K và anh Đỗ Tuấn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 59, Quyển số 01 cấp ngày 13/4/2005 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị K yêu cầu xin ly hôn anh P vì mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, hàn gắn được. Anh P đồng ý ly hôn với chị K.

Xét thấy, căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị K và anh P đều thừa nhận trong vòng 01 năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không bàn bạc đoàn tụ được, chị K xin ly hôn, anh P cũng đồng ý thuận tình, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Lương Thị Hồng K được ly hôn anh Đỗ Tuấn P.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13/12/2005 và cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 03/7/2014.

Chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh N, anh P đồng ý. Cháu Đỗ Thanh N đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy giao cháu N cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Chị K nuôi con không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Cháu Đỗ Minh Đ đã trưởng thành, có khả năng lao động các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[7] Về án phí: Chị Lương Thị Hồng K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Hồng K, xử cho chị được ly hôn anh Đỗ Tuấn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 03/7/2014 cho chị Lương Thị Hồng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Đỗ Tuấn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Tuấn P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Hồng K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số 0015879 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị K đã nộp đủ án phí.

5. Chị Lương Thị Hồng K và anh Đỗ Tuấn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận : T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND T. Đồng Nai. **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Liên